TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/DS-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

Ông **Lê Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2025/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về "tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Châu Thị D,** sinh ngày 01/01/1968

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số D8/5/10 Tổ 8, ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số D8/5/10 Tổ 8, ấp 4, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Lâm Thị N**, sinh ngày 20/8/1976; Bà **Phạm Hồng S**, sinh ngày 01/01/1953

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S: Bà Nguyễn Việt Q, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm H, phường V, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ **Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cà Mau**

Địa chỉ: Số 77, N, phường A, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

+ **Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Cà Mau**

Đại chỉ: Khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

+ Bà **Lâm Tú H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

+ Bà **Lâm Thị C**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

+ Bà **Lâm Mỹ C1**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt);

+ Bà **Lâm Thị Thu T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau) (có mặt);

+ Bà **Lâm Hồng O**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 26, L, khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 26, L, khu phố 1, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt);

+ Bà **Lâm Mộng Q**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 26, L, khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 26, L, khu phố 1, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 1983 bà Lâm Thị Q có cho con là bà Châu Thị D một phần đất, bà D sinh sống đến nay là thửa đất 190, tách từ thửa 121, tờ bản đồ số 46. Không nhớ thời gian nào ông L đã lấn chiếm đất của bà D, đó là phần đất tranh chấp hiện nay. Phần đất của ông L với phần đất của bà D giáp ranh, phần đất ông L là ao nuôi cá, trong quá trình sử dụng ao ông L đào lấn qua đất bà D.

Bà Châu Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị N và bà Phạm Hồng S trả lại quyền sử dụng đất diện tích qua đo đạc thực tế là 128,2m^2, thửa đất số 121, một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 46, đất tại ấp B, xã V, thành phố B,

tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau). Phần diện tích đất còn lại 8,6m^2 xin rút lại.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D.

Về nguồn gốc đất tranh chấp do ông ông Lâm Văn L1 (ông nội của bà Lâm Thị N) khai phá trước năm 1975, sau đó khi ông nội già yếu thì giao lại toàn quyền quản lý phần đất trên cho cha bà N là ông Lâm Văn L, đến ngày 06/5/1991 ông L được Ủy Ban nhân dân thị xã Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định từ trước đến nay.

Vào năm 2022, ông L chết, các con đã khước từ thừa kế để lại phần đất tranh chấp trên cho bà Lâm Thị N và bà Lâm Hồng S. Phần đất này Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà N và bà S vào ngày 10/8/2023.

Về quá trình sử dụng đất tranh chấp, vị trí đất tranh chấp hiện trạng là ao, trước đây gia đình ông L sử dụng nuôi cá, ông L có xây dựng căn chòi giữ cá, ngủ lại vào ban đêm. Vào khoảng năm 2017, ông L bệnh nên không thể ngủ tại chòi nhưng vẫn đi lại trông coi ao nuôi cá, gia đình chỉ tới lui trông coi nên ranh đất giữa hai gia đình bị lạng đi nhưng đầu đất vẫn còn nguyên hiện trạng; ranh đất giữa nhà ông L và bà D thể hiện rõ ràng là hàng dừa nước và lối đi giữa hai phần đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Thu T, bà Lâm Hồng O thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt, có bản tự khai thống nhất với trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị D đối với bị đơn bà Lâm Thị N và bà Phạm Hồng S về việc yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất diện tích 128,2m^2, đất thuộc thửa số 176, 24, tờ bản đồ số 46, tại khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D đối với yêu cầu bà Lâm Thị N và bà Phạm Hồng S trả lại quyền sử dụng đất diện tích 8,6m^2, tại khóm B, phường H Thành, tỉnh Cà Mau.

Án phí, chi phí tố tụng xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất, nên cần xác định đây là quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại phường H, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Xét thấy người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Lâm Thị N và bà Phạm Hồng S trả lại quyền sử dụng đất, diện tích 8,6m^2, tại khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau.

Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Hiện trạng đất tranh chấp:

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2025 và bản đồ địa chính xã V hệ tọa độ VN-2000, ấp Biển Tây B – Tờ số 46 (023 584-1(9)), trích đo địa chính hiện trạng phần đất tranh chấp lập ngày 24/6/2025 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, phần đất nguyên đơn yêu cầu tọa lạc tại khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau, thuộc một phần thửa 176, tờ bản đồ 46 diện tích là 114,2m^2 và một phần thửa 24, tờ bản đồ 46 diện tích là 14m^2. Cụ thể các phần đất như sau:

- Một phần thửa 176, tờ bản đồ 46 diện tích là 114,2m^2:

Hướng Đông giáp đất tranh chấp thứ hai, có số đo 1m;

Hướng Tây giáp kênh thủy lợi, có số đo 4,39m;

Hướng Nam giáp đất bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S, có số đo 43,89m;

Hướng Bắc giáp phần đất thửa 20, 121 của bà Lâm Thị Trang, có số đo 27,01m; giáp phần đất tranh chấp thứ 2, có số đo 14,18m;

- Một phần thửa 24, tờ bản đồ 46 diện tích là 14m^2:

Hướng Đông giáp đất thửa số 24 do bà Lâm Thị N đang quản lý, sử dụng, có số đo 2,23m;

Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp nêu trên, có số đo 00m, 1m;

Hướng Nam giáp đất tranh chấp nêu trên, có số đo 14,18m; giáp phần đất của bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S thửa 176, có số đo 2,85m;

Hướng Bắc giáp phần đất thửa 121 của bà Châu Thị D, có số đo 17,26m;

Hiện trạng trên đất: Là đất ao, không có công trình xây dựng, do bà Lâm Thị N và bà Phạm Hồng S quản lý, sử dụng.

Căn cứ hồ sơ địa chính, quyền sử dụng đất thửa đất số 176, tờ bản đồ số 46, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S vào ngày 10/8/2023. Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 46 do ông Lâm Văn L đứng tên kê khai trên sổ mục kê.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất diện tích 128,2m^2.

[5.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp, nguyên đơn xác định từ năm 1983 bà Lâm Thị Q có cho con là bà Châu Thị D một phần đất, bà D sinh sống đến nay là thửa đất 190, tách từ thửa 121, tờ bản đồ số 46, trong quá trình sử dụng đất không đăng ký, kê khai. Không nhớ thời gian nào ông L đã lấn chiếm đất của bà D, đó là phần đất tranh chấp hiện nay. Phần đất của ông L với phần đất của bà D giáp ranh, phần đất ông L là ao nuôi cá, trong quá trình sử dụng ao ông L đào lấn qua đất bà D.

[5.2] Bị đơn xác định xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông Lâm Văn L1 (ông nội của bà Lâm Thị N) khai phá trước năm 1975, sau đó khi ông nội già yếu thì giao lại toàn quyền quản lý phần đất trên cho cha bà N là ông Lâm Văn L, đến ngày 06/5/1991 ông L được Ủy Ban nhân dân thị xã Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định từ trước đến nay. Vào năm 2022, ông L chết, các con đã khước từ thừa kế để lại phần đất tranh chấp trên cho bà Lâm Thị N và bà Lâm Hồng S, hiện nay bà N, bà S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5.3] Tại Văn bản số 597A/TTKTCNQT-DVKT ngày 28/5/2026 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tỉnh Cà Mau thể hiện: Phần đất tranh chấp theo bản vẽ ngày 24/6/2025 thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 46, diện tích 114,2m^2 có 66,9m^2 thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 46; có 39,5m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 46; có 7,8m^2 thuộc thửa số 121, tờ bản đố số 46.

[5.4] Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S, tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thể hiện thửa đất số 176, tờ bản đồ số 46 được tách từ thửa đất số 20, 121, 24 tờ bản đồ số

46, là thửa đất số 469 (cũ) tờ bản đồ số 8 (cũ), đất tại khóm B, xã V, nay là phường H, tỉnh Cà Mau.

[5.5] Theo bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp và hồ sơ địa chính Tòa án thu thập từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đại khu vực Bạc Liêu thể hiện thửa đất số 176, tờ bản đồ 46, diện tích tranh chấp 114,2m^2 và phần diện tích đất không tranh chấp là 2.950,4m^2 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S vào ngày 10/8/2023; Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 46 do ông Lâm Văn L đứng tên kê khai trên sổ mục kê; Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 46 không có ai đăng ký kê khai trên sổ mục kê; Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 46 do bà Châu Thị D đứng tên kê khai.

[5.6] Theo văn bản số 687/CNVPĐKĐĐ ngày 27/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Bạc Liêu xác định: Thửa đất số 176 tờ bản đồ số 46, tên người kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Lâm Văn L, thửa đất trên được đo đạc chính quy lại từ thửa đất số 469 (cũ) tờ bản đồ số 8 (cũ), đất tại khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau.

[5.7] Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu cấp cho ông Lâm Văn L ngày 06/5/1991, trong các thửa đất được cấp giấy chứng nhận có thửa đất số 469, tờ bản đồ số 8, đất tại xã V, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải, nay là phường H, tỉnh Cà Mau.

[5.8] Như vậy, trong phần đất tranh chấp theo hệ thống tờ bản đồ lập năm 2016 thì có một phần đất thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 46, diện tích là 66,9m^2 do bà D đứng tên kê khai nhưng theo hệ thống tờ bản đồ lập trước năm 2016 thì phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 469 tờ bản đồ số 8, ông Lâm Văn L đăng ký kê khai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

[5.9] Mặt khác, xét về quá trình sử dụng, phần đất tranh chấp là ao, do bị đơn là bà N và bà S đang quản lý, sử dụng, nguyên đơn là bà D khởi kiện yêu cầu trả lại. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên đơn có sử dụng phần ao này; nguyên đơn xác định ao là của gia đình bà N, trong quá trình sử dụng ao, phía gia đình bà N có đào ao lấn qua đất bà D nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phía bà N, bà S có đào ao lấn đất của bà D.

[5.10] Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, đương sự có yêu cầu phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Trong vụ án này, bà Châu Thị D là người khởi kiện, là người có yêu cầu cho nên bà D là người có nghĩa vụ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Nhưng bà Châu Thị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trong quá trình sử dụng đất, bà N và bà S có đào ao lấn qua đất bà D; nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc

quyền sử dụng của mình. Như vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị D về việc buộc bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S trả đất.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 9.759.000 đồng. Nguyên đơn bà Châu Thị D phải chịu, bà D đã nộp và chi xong.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Bị đơn bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S không phải chịu án phí.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 236 Luật Đất đai năm 2024;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị D đối với bị đơn bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S về việc yêu trả lại quyền sử dụng đất diện tích 128,2m^2, đất thuộc thuộc một phần thửa 176, tờ bản đồ 46 và một phần thửa 24, tờ bản đồ 46, tại khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị D đối với bị đơn bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S về việc yêu trả lại quyền sử dụng đất diện tích 8,6m^2, đất thuộc thuộc một phần thửa 176, tờ bản đồ 46 và một phần thửa 24, tờ bản đồ 46, tại khóm B, phường H, tỉnh Cà Mau.

3. Chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 9.759.000 đồng. Nguyên đơn bà Châu Thị D phải chịu, bà D đã nộp và chi xong.

4. Về án phí: Bà Châu Thị D phải chịu là 300.000 đồng. Bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0000501 ngày 26/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau) được chuyển thu án phí.

Bà Lâm Thị N, bà Phạm Hồng S không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự; luật sư;
- Lưu.

Lê Hồng Lam